BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK VỀ QUY ĐỊNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 2026

NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2025 CỦA HĐND TỈNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
NGHỊ QUYẾT **Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026**	Giữ nguyên	
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026.	Giữ nguyên	
Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.	Giữ nguyên	
	Giữ nguyên	
Điều 3. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.	Giữ nguyên	
2. Quy định về số thu được phân bổ thêm cho các xã, phường mới (Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Ea Kao, Thành Nhất, Hòa Phú) tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk (trước sắp xếp) tại khoản 3 Điều 5 Chương II Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và theo Nghị quyết số 227/2025/QH15 Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.	Giữ nguyên	
3. Trường hợp các văn bản viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Giữ nguyên	
4. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:	Giữ nguyên	
a) Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND quy định phân bổ hạch toán thu thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;	Giữ nguyên	
Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017 cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk;	Giữ nguyên	
Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND bổ sung một số nội dung vào Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017 cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk;	Giữ nguyên	
Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 2024.	Giữ nguyên	

b) Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025;	Giữ nguyên	
Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	Giữ nguyên	
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.	Giữ nguyên	
QUY ĐỊNH **Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026** **(***Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND***)**	Giữ nguyên	
Chương I **PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP**	Giữ nguyên	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026.	Giữ nguyên	
Các nội dung khác liên quan đến phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Giữ nguyên	
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.	Giữ nguyên	
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.	Giữ nguyên	
3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Giữ nguyên	
Điều 3. Nguyên tắc phân cấp 1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu	Giữ nguyên	
a) Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác nguồn thu, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó.	Giữ nguyên	
b) Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao.	Giữ nguyên	
c) Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản thu mang tính ổn định nhằm đảm bảo cân đối và chủ động điều hành cho ngân sách cấp xã.	Giữ nguyên	
d) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ và các nguồn thu không ổn định hàng năm.	Giữ nguyên	

2. Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi a) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;	Giữ nguyên	
b) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.	Giữ nguyên	
3. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:	Giữ nguyên	
a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.	Giữ nguyên	
b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.	Giữ nguyên	
c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.	Giữ nguyên	
d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.	Giữ nguyên	
Chương II **PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**	Giữ nguyên	
Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh 1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:	Giữ nguyên	
a) Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
c) Tiền cho thuê mặt nước do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
d) Tiền sử dụng khu vực biển;	Giữ nguyên	
đ) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
e) Lệ phí trước bạ do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
g) Thu từ hoạt động xổ số;	Giữ nguyên	

h) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.	Giữ nguyên	
i) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;	Giữ nguyên	
k) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;	Giữ nguyên	
l) Viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;	Giữ nguyên	
m) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp tỉnh quản lý. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	
n) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;	Giữ nguyên	
o) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của tỉnh cấp phép;	Giữ nguyên	
p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;	Giữ nguyên	
q) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;	Giữ nguyên	
r) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;	Giữ nguyên	
s) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;	Giữ nguyên	
t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý (bao gồm cả thu từ ngân sách cấp xã nộp lên).	Giữ nguyên	
2. Các khoản thu phân chia quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (phần ngân sách địa phương hưởng được xem là 100%) và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã như sau:	Giữ nguyên	

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu); Thuế thu nhập cá nhân; Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng), thực hiện phân chia: STT | Tên xã, phường | Cấp tỉnh hưởng (%) | Cấp xã hưởng (%) 01 | Phường Buôn Ma Thuột | 80 | 20 02 | Xã Ia Lốp | 75 | 25 03 | Phường Tân An | 70 | 30 04 | Phường Tân Lập | 55 | 45 05 | Phường Tuy Hòa; xã Đức Bình | 50 | 50 06 | Phường Thành Nhất; phường Bình Kiến; xã Sơn Hòa | 40 | 60 07 | Phường Ea Kao | 30 | 70 08 | Các xã, phường còn lại | 0 | 100	a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu); Thuế thu nhập cá nhân, thực hiện phân chia: STT | Tên xã, phường | Cấp tỉnh hưởng (%) | Cấp xã hưởng (%) 01 | Phường Buôn Ma Thuột | 70 | 30 02 | Phường Tân An | 70 | 30 03 | Phường Tuy Hòa | 50 | 50 04 | Phường Thành Nhất | 50 | 50	Phương án xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia 02 sắc thuế (TNDN; TNCN) Đây là các khoản thu có mối quan hệ chặt chẽ với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh, mức độ phát triển kinh tế và thu nhập của dân cư trên địa bàn nên cần phân chia theo nhóm địa phương. Phương án phân nhóm như sau: Theo phương án dự kiến dự toán năm 2027, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương chiếm khoảng 47,8% tổng chi cân đối ngân sách địa phương của tỉnh Đắk Lắk. Phần lớn các xã, phường trong tỉnh có nguồn thu ngân sách được hưởng theo phân cấp chưa đủ để bảo đảm nhiệm vụ chi cân đối ngân sách cấp xã và phải nhận số thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh. Để phục vụ việc xem xét phương án phân nhóm địa phương, sử dụng số ước thu thuế, phí và số ước chi thường xuyên trên địa bàn năm 2026 làm nền số liệu so sánh. Trên nền số liệu này, xác định lại số thu đưa vào so sánh theo cơ chế phân chia dự kiến áp dụng năm 2027, bằng cách loại trừ toàn bộ thuế GTGT và phần ngân sách trung ương được hưởng đối với các khoản thu còn lại theo tỷ lệ dự kiến năm 2027. Kết quả so sánh này phản ánh tương quan thu, chi trên địa bàn để phân nhóm; việc xác định tỷ lệ phân chia sẽ tiếp tục được điều chỉnh khi có số liệu thu, chi chính thức. Kết quả rà soát như sau: - Theo phương pháp tính có 04 phường sau có số ước thu thuế, phí loại trừ toàn bộ thuế GTGT và phần ngân sách trung ương được hưởng (sau đây viết tắt là thu thuế, phí (theo cách tính)) lớn hơn chi thường xuyên. + Phường Buôn Ma Thuột: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 1.109 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 729 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 380 tỷ đồng; + Phường Thành Nhất: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 272 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 250 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 22 tỷ đồng; + Phường Tuy Hòa: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 742 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 593 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 149 tỷ đồng; + Phường Tân An: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 665 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 304 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 361 tỷ đồng; - Các xã, phường còn lại có số thu thuế, phí (theo cách tính) nhỏ hơn chi thường xuyên. Trong đó có một số xã, phường thuộc nhóm điều tiết về ngân sách tỉnh trong năm Nghị quyết 16/2025/NQ-HĐND nay theo cách tính mới không còn dư địa để điều tiết nữa, cụ thể: + Phường Bình Kiến: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 117 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 188 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 71 tỷ đồng; + Phường Ea Kao: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 71 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 248 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 177 tỷ đồng; + Phường Tân Lập: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 228 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 303 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 75 tỷ đồng; + Xã Ia Lốp: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 30 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 99 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 68 tỷ đồng; + Xã Sơn Hòa: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 29 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 244 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 215 tỷ đồng; + Xã Đức Bình: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 76 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 117 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 41 tỷ đồng; Căn cứ kết quả rà soát nêu trên, dự kiến chia các địa phương thành 02 nhóm có quy mô tương đồng gồm: (1) Nhóm 1: Các xã, phường có dư địa nghiên cứu điều tiết: có 04 phường thuộc Trung tâm động lực phía Tây (Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Thành Nhất) và phường Tuy Hòa thuộc Trung tâm động lực ven biển phía Đông. (2) Nhóm 2: Các xã, phường còn lại đề xuất không điều tiết về ngân sách cấp tỉnh: gồm 23 xã dự kiến trở thành phường, 04 xã biên giới, 51 xã đặc biệt khó khăn và các xã, phường khác chưa có dư địa điều tiết. Đối với các địa phương ở nhóm 1 thuộc hai trung tâm động lực, đề xuất phân chia nguồn thu theo hướng vừa điều tiết nguồn thu về ngân sách cấp tỉnh, vừa ưu tiên để lại nguồn để phát triển Trung tâm động lực theo định hướng quy hoạch tỉnh. Các địa phương ở nhóm 2 cần ưu tiên nguồn lực để đáp ứng nhu cầu chi, thực hiện nhiệm vụ đặc thù tại khu vực biên giới và bảo đảm các nhiệm vụ chi thiết yếu.

	Thuế giá trị gia tăng: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) được phân chia theo tỷ lệ ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%; việc phân chia cho từng địa phương được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Theo Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 ngày 08/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phần thuế giá trị gia tăng ngân sách các địa phương được hưởng trong giai đoạn 2027-2030 được phân chia cho từng tỉnh, thành phố theo các tiêu chí về dân số, diện tích tự nhiên và GRDP bình quân đầu người, thông qua phương pháp tính điểm và xác định tỷ trọng phân bổ. Theo đó, số thuế giá trị gia tăng tỉnh Đắk Lắk được hưởng được xác định theo cơ chế phân bổ chung của Trung ương, không căn cứ trực tiếp vào số thu phát sinh trên địa bàn từng xã, phường. Đồng thời, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết quy định HĐND cấp tỉnh quyết định việc phân chia phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trên cơ sở cơ chế phân bổ nguồn thu nêu trên, điều kiện cân đối ngân sách và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, đề xuất ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng từ năm 2027, với các lý do sau: Thứ nhất, bảo đảm tính phù hợp và khả thi trong tổ chức thực hiện cơ chế phân bổ thuế giá trị gia tăng mới Do phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng được xác định theo cơ chế phân bổ chung của Trung ương, việc tiếp tục phân chia khoản thu này cho từng xã, phường cần có phương pháp phân bổ, hạch toán và đối chiếu phù hợp, bảo đảm thống nhất với số thu thực tế ngân sách địa phương được hưởng. Trong giai đoạn đầu áp dụng cơ chế mới từ năm 2027, phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% khoản thu này giúp đơn giản hóa việc tổ chức phân chia trong nội bộ tỉnh, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và điều hành ngân sách. Việc lựa chọn phương án này không xuất phát từ việc không thể phân chia thuế giá trị gia tăng cho cấp xã, mà trên cơ sở cân nhắc tính phù hợp và hiệu quả của việc thiết lập thêm một cơ chế phân bổ nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương. Thứ hai, bảo đảm nguồn lực thực hiện trách nhiệm cân đối và điều hòa ngân sách của cấp tỉnh. Theo phương án dự kiến dự toán năm 2027, tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 44.307 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương bổ sung cân đối 21.196 tỷ đồng, chiếm khoảng 47,8%. Trong điều kiện nguồn lực tự cân đối còn hạn chế, ngân sách cấp tỉnh vừa phải bảo đảm nhiệm vụ chi thuộc cấp mình, vừa thực hiện trách nhiệm bổ sung nguồn lực cho các xã, phường chưa tự cân đối được ngân sách. Việc phân chia một phần thuế giá trị gia tăng cho ngân sách cấp xã làm thay đổi cơ cấu nguồn thu giữa các cấp ngân sách nhưng không làm tăng tổng nguồn lực ngân sách địa phương. Vì vậy, cần xem xét đồng thời số thu cấp xã được hưởng trực tiếp, mức bổ sung cân đối và khả năng điều hòa nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh. Phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% khoản thu này tạo điều kiện tập trung nguồn lực để thực hiện trách nhiệm cân đối chung, nhất là đối với các địa phương có khả năng thu thấp nhưng nhu cầu chi lớn. Thứ ba, bảo đảm công bằng trong phân bổ nguồn lực giữa các xã, phường có điều kiện phát triển khác nhau. Tỉnh Đắk Lắk có 102 xã, phường với sự khác biệt lớn về quy mô dân số, diện tích, điều kiện địa lý, khả năng tạo nguồn thu và nhu cầu chi ngân sách. Trong khi một số địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và tạo nguồn thu, nhiều xã miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nguồn thu hạn chế nhưng vẫn phải bảo đảm đầy đủ các nhiệm vụ chi theo phân cấp. Vì vậy, việc phân bổ nguồn lực ngân sách cần gắn với nhiệm vụ chi, định mức phân bổ và điều kiện đặc thù của từng địa phương, thay vì chỉ căn cứ vào quy mô nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Phương án tập trung thuế giá trị gia tăng tại ngân sách cấp tỉnh tạo điều kiện thực hiện điều hòa nguồn lực thông qua cơ chế bổ sung ngân sách theo quy định, góp phần hạn chế chênh lệch về khả năng bảo đảm nhiệm vụ chi giữa các xã, phường. Thứ tư, bảo đảm sự thống nhất giữa phân cấp nguồn thu, phân cấp nhiệm vụ chi và khả năng chủ động của ngân sách cấp xã. Việc đánh giá mức độ phân cấp ngân sách cần được thực hiện trên cơ sở tổng thể các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng, nhiệm vụ chi được giao và số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh, không chỉ căn cứ vào tỷ lệ được hưởng trực tiếp đối với một khoản thu riêng lẻ. Theo phương án sửa đổi Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND, tỉnh đồng thời nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ phân chia thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền sử dụng đất nhằm tạo thêm nguồn lực cho ngân sách cấp xã phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với các địa phương có nguồn thu được hưởng theo phân cấp chưa đáp ứng nhu cầu chi theo quy định, ngân sách cấp tỉnh thực hiện bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu theo thẩm quyền. Do đó, việc ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng không đồng nghĩa với việc ngân sách cấp xã không được thụ hưởng nguồn lực từ khoản thu này. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chủ động của cấp xã, việc xác định số bổ sung ngân sách phải gắn với nhiệm vụ chi, định mức phân bổ và khả năng cân đối thực tế của từng địa phương. Từ những phân tích nêu trên, phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng từ năm 2027 được đề xuất trên cơ sở đặc điểm cơ chế phân bổ nguồn thu mới, trách nhiệm cân đối chung của ngân sách cấp tỉnh và yêu cầu bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã. Phương án này nhằm bảo đảm sự tập trung cần thiết đối với nguồn thu được phân bổ theo cơ chế chung, đồng thời thực hiện điều hòa nguồn lực giữa các địa phương thông qua cơ chế bổ sung ngân sách theo quy định. Việc lựa chọn tỷ lệ phân chia cần được xem xét trong tổng thể phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và kết quả đánh giá tác động đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã; bảo đảm không làm ảnh hưởng đến nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi được giao của chính quyền địa phương hai cấp.
Riêng việc phân bổ hạch toán thu thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh được quy định như sau:	Bãi bỏ	

Trường hợp công trình xây dựng cơ bản trong cùng một tỉnh do nhà thầu trong tỉnh thực hiện: Đối với công trình liên xã, phường: thực hiện hạch toán thu ngân sách cho xã, phường nơi nhà thầu đóng trụ sở chính và thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định trên; Đối với công trình ở xã, phường khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở: thực hiện hạch toán thu ngân sách cho xã, phường nơi có công trình xây dựng và thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định trên.	Bãi bỏ	
Trường hợp công trình xây dựng cơ bản do nhà thầu ngoài tỉnh (trụ sở chính ở tỉnh khác) thực hiện: Kê khai thuế và hạch toán 100% vào thu ngân sách cấp tỉnh.	Bãi bỏ	
b) Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu): ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên	
c) Thuế bảo vệ môi trường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên	
d) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên	
e) Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 của Luật số 89/2025/QH15) thực hiện phân chia:	Giữ nguyên	
Các dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất thực hiện phân chia ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20% (chỉ áp dụng đối với các dự án bắt đầu thực hiện đầu tư từ năm 2026); các trường hợp khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo quy định: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án, khu đất do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh, thực hiện phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã nơi phát sinh số thu hưởng 20%.	- Đối với các dự án, khu đất do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh, đề xuất ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã nơi phát sinh số thu hưởng 20%. Phương án này nhằm tập trung phần lớn nguồn thu cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện kế hoạch đầu tư công, bảo đảm nguồn lực cho các công trình, dự án theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời phân chia một phần nguồn thu cho ngân sách cấp xã để tăng nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
Các dự án do ngân sách cấp xã đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất; các trường hợp khác do xã trực tiếp quản lý theo quy định: ngân sách cấp xã hưởng 100%.	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án, khu đất do ngân sách cấp xã đầu tư hoặc quản lý; thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư từ các khu tái định cư do ngân sách cấp xã đầu tư; thu chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã, phường; thu tiền sử dụng đất từ đất xen kẹp; các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, thực hiện phân chia: - Các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%; - Các xã: ngân sách cấp xã hưởng 100%".	- Đối với các dự án, khu đất do ngân sách cấp xã đầu tư hoặc quản lý; thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư từ các khu tái định cư do ngân sách xã đầu tư; thu chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã, phường và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, đề xuất phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng theo 02 nhóm: (1) đối với các phường, ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%; (2) đối với các xã còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%. Phương án phân chia này nhằm gắn nguồn thu tiền sử dụng đất với trách nhiệm quản lý, đầu tư và phát triển hạ tầng của cấp xã, đồng thời bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đầu tư và cân đối chung của ngân sách cấp tỉnh. Đối với các phường, việc phân chia một phần nguồn thu về ngân sách cấp tỉnh, đồng thời để lại phần lớn nguồn thu cho ngân sách cấp xã, nhằm hài hòa giữa yêu cầu cân đối chung và nhu cầu đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị tại địa phương. Đối với các xã còn lại, đề xuất ngân sách cấp xã hưởng toàn bộ phần ngân sách địa phương được hưởng nhằm tăng nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và từng bước nâng cao khả năng tự cân đối ngân sách.
g) Tiền thuê đất: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên	
Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng theo từng khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; đối với các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu thì cấp nào quản lý thu cấp đó hưởng 100%; riêng các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng ngân sách địa phương được hưởng thì điều tiết ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên	
3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.	Giữ nguyên	
Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã 1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:	Giữ nguyên	

a) Các khoản thu nêu tại các điểm a, b, c, đ, e, k, l, m, n, p, q thuộc khoản 1 Điều 4 do cấp xã quản lý;	Giữ nguyên	
b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;	Giữ nguyên	
c) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;	Giữ nguyên	
d) Thu kết dư ngân sách cấp xã;	Giữ nguyên	
đ) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;	Giữ nguyên	
e) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.	Giữ nguyên	
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.	Giữ nguyên	
3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh. Riêng các xã, phường mới (Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Ea Kao, Thành Nhất, Hòa Phú) tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk (trước sắp xếp) được phân bổ thêm số thu theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 72/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và theo điểm b khoản 8 Nghị quyết số 227/2025/QH15 Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.	Giữ nguyên	
Chương III **PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**	Giữ nguyên	
Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh 1. Chi đầu tư phát triển:	Giữ nguyên	
a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.	Giữ nguyên	
b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên	
c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;	Giữ nguyên	
d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:	Giữ nguyên	
a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;	Giữ nguyên	
b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo;	Giữ nguyên	
c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phần giao tỉnh quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;	Giữ nguyên	
d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;	Giữ nguyên	
đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin;	Giữ nguyên	
e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;	Giữ nguyên	
g) Sự nghiệp thể dục thể thao;	Giữ nguyên	
h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;	Giữ nguyên	
i) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý;	Giữ nguyên	

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên	
l) Chi bảo đảm xã hội;	Giữ nguyên	
m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.	Giữ nguyên	
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.	Giữ nguyên	
5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.	Giữ nguyên	
6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.	Giữ nguyên	
7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.	Giữ nguyên	
8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.	Giữ nguyên	
9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.	Giữ nguyên	
Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã 1. Chi đầu tư phát triển	Giữ nguyên	
a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.	Giữ nguyên	
b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc cấp xã theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp xã được phân cấp trong các lĩnh vực	Giữ nguyên	
a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo;	Giữ nguyên	
b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ (nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ), chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo;	Giữ nguyên	
c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao xã quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp trên;	Giữ nguyên	
d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;	Giữ nguyên	
đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin;	Giữ nguyên	
e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;	Giữ nguyên	
g) Sự nghiệp thể dục thể thao;	Giữ nguyên	
h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;	Giữ nguyên	
i) Các hoạt động kinh tế;	Giữ nguyên	
k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên	
l) Chi bảo đảm xã hội;	Giữ nguyên	
m) Các khoản chi khác theo quy định pháp luật.	Giữ nguyên	
3. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ do cấp xã thực hiện.	Giữ nguyên	
4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.	Giữ nguyên	
5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15./.	Giữ nguyên	